

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HS - ST  
Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Đới Văn Trinh- Nguyên giáo viên trường THPT Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Thành- Nguyên giáo viên trường trung cấp dạy nghề  
LICOGI Hải Dương.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành  
phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên  
toà:** Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh  
H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/HSST ngày 01  
tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST -  
HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Đức K - Sinh ngày 25/9/2003. Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT  
và chỗ ở: Khu dân cư K 1, phường V, thành phố C, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân  
tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:  
11/12; Con ông: Vũ Văn S và con bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm  
1973. Địa chỉ: Khu dân cư K 1, phường V, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý của  
Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 19, ngõ 1, đường H, khu dân cư T 2, phường S, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Lưu Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/5/2020 Vũ Đức K chơi điện hết tiền nên nảy sinh ý định tìm quán bán điện thoại giả vờ xem và mua điện thoại sau đó chiếm đoạt lấy tiền tiêu sài. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày K đi bộ đến quán điện thoại của chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984 ở số nhà 19, ngõ 1 đường H, khu dân cư T 2, phường S, thành phố C, tỉnh H giả vờ hỏi chị V muốn xem và mua điện thoại, chị V đưa cho K xem 02 chiếc điện thoại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO X9009, vỏ màu vàng hồng, loại hai sim, số IMEI 1: 861230037084499, số IMEI 2: 861230037084481; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, bản quốc tế, vỏ màu xám bạc, dung lượng 64 GB, số IMEI 353291074462696; sau đó K bảo chị V cho thử sạc, chị V cúi xuống lấy sạc thì K nhanh chóng cầm lấy 02 chiếc điện thoại trên bỏ chạy, chị V phát hiện đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó K cầm điện thoại đến quán của chị Lưu Thị N, sinh năm 1978 thuộc khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H nói với chị N *“Có điện thoại của mẹ cháu không dùng muốn bán”* chị N mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO X9009, vỏ màu vàng hồng giá 500.000 đồng; sau đó K đi về và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu xám bạc K để lại để sử dụng; đến ngày 13/5/2020 biết là bị phát hiện K đã đến Công an thành phố C đầu thú và giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố C chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu xám bạc, chị N đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại mua của K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29 ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C kết luận tại thời điểm ngày 12/5/2020: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO X9009, vỏ màu vàng hồng, loại hai sim, số IMEI 1: 861230037084499, số IMEI 2: 861230037084481 có giá trị là 2.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, bản quốc tế, vỏ màu xám bạc, dung lượng 64 GB, số IMEI 353291074462696 có giá trị là 3.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.600.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKSCL ngày 30 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Vũ Đức K về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên toà:*

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không có yêu cầu gì khác.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố bị cáo Vũ Đức K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS; khoản 2 Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo K cho UBND phường V, thành phố C, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Về vật chứng: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bị cáo K phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Vũ Đức K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 12/5/2020 tại quán của chị Nguyễn Thị V ở số nhà 19, ngõ 1 đường H, khu dân cư T 2, phường S, thành phố C, tỉnh H, Vũ Đức K có hành vi giả vờ hỏi xem, mua điện thoại và thử sạc rồi lợi dụng sơ hở nhanh chóng chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị V 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO X9009, vỏ màu vàng- hồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu xám bạc, tổng trị giá tài sản là 5.600.000 đồng.

Vì vậy, đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do bị cáo không có tiền nên dùng thủ đoạn giả vờ mua điện thoại di động. Khi được chị V là chủ sở hữu đưa cho xem, để tạo sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, bị cáo bảo chị V cho xem sạc pin rồi đã nhanh chóng tẩu thoát và cầm theo 02 chiếc điện thoại, chiếm đoạt của bị hại tài sản có trị giá 5.600.000đồng . Khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường tài sản cho chị N. Khi cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiến hành điều tra vụ án, bị cáo K đã tự nguyện ra đầu thú, gia đình bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức chưa đầy đủ, suy nghĩ còn bông bột, nông cạn nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C tại phiên tòa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Chị N đã nhận tiền bị cáo bồi thường nên không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã thu giữ 02 điện thoại và đã trả lại cho bị hại là phù hợp với khoản 3 Điều 106 BLTTHS nên không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với chị Lưu Thị N, mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO X9009, vỏ màu vàng- hồng của K, chị N không biết chiếc điện thoại trên là phạm tội mà có, nên không đặt ra xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo K bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS;

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức K phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Vũ Đức K 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo K cho UBND phường V, thành phố C, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

2. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Đức K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**